



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số**

0403000380
0800296853

ngày 25 tháng 01 năm 2006
ngày 10 tháng 05 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0800296853 ngày 10 tháng 05 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Thư	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2016)
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2016)
Ông Trần Văn Dư	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Thư	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thủ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phường Phả Lại
Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Tỉnh Hải Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 59.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý tới Thuyết minh 3(b) trong báo cáo tài chính hợp nhất. Nhóm Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”) và phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 3003/BTC/TCĐN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (“Công văn 3003”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 (“Công văn 2239”). Theo hướng dẫn của Nghị định 82, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại theo nguyên tắc: số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ phải đảm bảo không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không). Theo hướng dẫn của Công văn 3003, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của các công ty cổ phần phát điện do các Tổng Công ty Phát điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam chiếm cổ phần chi phối được phép ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ năm 2016 trở đi sẽ áp dụng theo Thông tư 200. Hướng dẫn của Nghị định 82 và Công văn 3003 có sự khác biệt so với quy định chung của Thông tư 200 hiện hành. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày tại Thuyết minh 3(b) của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng lưu ý đến Thuyết minh 23, Nhóm Công ty đang phân bổ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào chi phí tài chính trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo nguyên tắc cân đối chi phí với kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Nhóm Công ty do vậy giá trị khoản phân bổ vào chi phí phụ thuộc vào đánh giá của Ban Giám đốc Công ty.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 3 năm 2016.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-254-HN/01



Chong Kwang Puay
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0864-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.184.310.259.386	5.972.618.212.272
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	785.549.135.022	713.868.733.230
Tiền	111		45.549.135.022	31.855.154.711
Các khoản tương đương tiền	112		740.000.000.000	682.013.578.519
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.110.000.000.000	2.394.351.965.073
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	2.110.000.000.000	2.394.351.965.073
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.727.398.781.161	2.199.610.838.721
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.680.985.037.181	1.466.792.190.207
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.165.489.951	5.386.204.582
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	1.053.800.000.000	735.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.449.051.149	415.127.287
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(11.000.797.120)	(7.982.683.355)
Hàng tồn kho	140	10	556.677.442.588	660.122.495.795
Hàng tồn kho	141		730.232.376.736	841.308.740.312
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(173.554.934.148)	(181.186.244.517)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.684.900.615	4.664.179.453
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.561.917.628	762.884.505
Thuế phải thu Nhà nước	153	15(b)	3.122.982.987	3.901.294.948

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	31/12/2016	1/1/2016
	số	minh	VND	VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.403.346.334.859	5.096.656.681.309
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.707.970.467.665	2.350.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	1.707.970.467.665	2.350.000.000.000
Tài sản cố định	220		361.687.279.018	425.271.993.431
Tài sản cố định hữu hình	221	11	361.217.836.562	420.545.620.530
<i>Nguyên giá</i>	222		13.465.612.687.070	13.460.011.147.034
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.104.394.850.508)	(13.039.465.526.504)
Tài sản cố định vô hình	227	12	469.442.456	4.726.372.901
<i>Nguyên giá</i>	228		58.779.299.156	58.779.299.156
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(58.309.856.700)	(54.052.926.255)
Tài sản dở dang dài hạn	240		380.035.835.353	305.314.133.232
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	380.035.835.353	305.314.133.232
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.950.283.023.121	2.012.124.664.178
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6(b)	1.222.932.605.559	1.257.861.487.283
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	6(b)	1.087.136.197.991	1.087.136.197.991
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(359.785.780.429)	(446.949.002.346)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	-	114.075.981.250
Tài sản dài hạn khác	260		3.369.729.702	3.945.890.468
Chi phí trả trước dài hạn	261		3.369.729.702	3.945.890.468
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.587.656.594.245	11.069.274.893.581

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.393.873.153.088	5.330.328.449.828
Nợ ngắn hạn	310		1.568.408.478.347	1.319.041.005.775
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	246.884.268.890	429.551.053.378
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.189.437.407	538.988.080
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15(a)	84.639.222.603	30.674.126.967
Phải trả người lao động	314		85.562.818.488	104.329.109.419
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	421.754.791.016	343.357.792.195
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	273.637.020.847	8.518.213.476
Vay ngắn hạn	320	18(a)	381.929.971.543	348.807.603.594
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	72.810.947.553	53.264.118.666
Nợ dài hạn	330		3.825.464.674.741	4.011.287.444.053
Vay dài hạn	338	18(b)	3.825.464.674.741	4.011.287.444.053
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.193.783.441.157	5.738.946.443.753
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.193.783.441.157	5.738.946.443.753
Vốn cổ phần	411	21	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		160.144.544.191	157.128.522.365
Cổ phiếu quỹ	415		(125.602.728.849)	(125.602.728.849)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	23	(185.493.968.221)	(202.994.919.242)
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	547.870.342.534	493.148.698.983
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.496.230.613.893	2.115.744.625.567
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		947.660.861.490	1.555.093.846.682
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		548.569.752.403	560.650.778.885
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		38.284.637.609	39.172.244.929
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		10.587.656.594.245	11.069.274.893.581

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	5.977.372.622.068	7.664.947.910.231
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	27	5.473.565.932.854	6.701.331.013.762
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		503.806.689.214	963.616.896.469
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	411.092.288.442	343.393.024.407
Chi phí tài chính	22	29	253.671.669.059	733.022.458.924
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>125.453.049.787</i>	<i>120.228.756.089</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24	6(b)	64.435.167.255	114.675.674.354
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	108.134.688.150	103.650.929.242
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		617.527.787.702	585.012.207.064
Thu nhập khác	31		2.712.377.907	20.508.923.132
Chi phí khác	32		4.257.889.512	1.029.675.971
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.545.511.605)	19.479.247.161
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		615.982.276.097	604.491.454.225
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	61.631.258.514	38.720.332.325
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		554.351.017.583	565.771.121.900

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	60		554.351.017.583	565.771.121.900
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		548.569.752.403	560.650.778.885
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.781.265.180	5.120.343.015
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.724	1.762

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng

Phạm Văn Thư
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	615.982.276.097	604.491.454.225
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	72.121.854.742	458.197.337.934
Các khoản dự phòng	03	(91.776.418.521)	332.721.619.997
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	206.534.726.856	203.313.279.013
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(467.013.860.412)	(458.051.316.816)
Chi phí lãi vay	06	125.453.049.787	120.228.756.089
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	461.301.628.549	1.260.901.130.442
Biến động các khoản phải thu	09	(536.870.751.844)	719.558.758.792
Biến động hàng tồn kho	10	111.076.363.576	41.489.022.573
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(106.608.998.806)	394.778.338.898
Biến động chi phí trả trước	12	631.415.482	117.016.686
		(70.470.343.043)	2.416.844.267.391
Tiền lãi vay đã trả	14	(126.742.692.610)	(120.607.420.109)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.059.951.724)	(185.072.382.597)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.240.766.916
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(43.807.916.113)	(37.004.916.254)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(253.080.903.490)	2.075.400.315.347

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(83.314.097.166)	(294.290.301.559)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	49.636.360
Tiền chi cho các khoản cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(2.397.970.467.665)	(2.715.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, công cụ nợ	24	3.101.200.000.000	1.031.500.000.000
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	485.880.485.738	401.594.286.824
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.105.795.920.907	(1.576.146.378.375)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	19.850.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.250.000.000)	(332.616.810.965)
Tiền trả cổ tức	36	(798.634.615.625)	(639.662.081.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(781.034.615.625)	(972.278.892.465)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	71.680.401.792	(473.024.955.493)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	713.868.733.230	1.186.893.688.723
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	785.549.135.022	713.868.733.230

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Nhóm Công ty điện lực Việt Nam (“EVN”) từ ngày 25 tháng 1 năm 2006. Khoản vốn góp của Nhóm Công ty điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) và lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và một công ty liên kết với thông tin chi tiết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
			31/12/2016	1/1/2016
Công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Sửa chữa thường xuyên, đại tu các thiết bị về điện và kiểm nhiệt.	Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	50,00%	50,00%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).	Xã Tam Hưng, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	25,97%	25,97%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty có 2.049 nhân viên (1/1/2016: 2.132 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nhóm Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Nhóm Công ty điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015. Những khác biệt giữa Chế độ kế toán EVN so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trình bày trong các thuyết minh 3(b).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng riêng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2016, chênh lệch tỷ giá hối đoái được Nhóm Công ty ghi nhận theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”). Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Nhóm Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 3003/BTC/TCĐN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (“Công văn 3003”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 (“Công văn 2239”). Việc thay đổi chính sách kế toán này được điều chỉnh lại cho số liệu so sánh, ảnh hưởng lên báo cáo tài chính được trình bày tại Thuyết minh 38.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn của Nghị định 82, các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại theo nguyên tắc: số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ phải đảm bảo không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không). Hướng dẫn của Nghị định 82 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư 200 mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần lãi trong công ty liên kết và lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ cùng giảm một khoản là 9.616.410.734 VND (2015: phần lãi trong công ty liên kết và lợi nhuận trước thuế sẽ lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 81.539.421.597 VND), số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ cùng giảm 92.216.902.535 VND (1/1/2016: 101.833.313.269 VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Theo hướng dẫn của Công văn 3003, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của các công ty cổ phần phát điện do các Tổng Công ty Phát điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam chiếm cổ phần chi phối được phép ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ năm 2016 trở đi áp dụng theo quy định chung của Thông tư 200.

Nhóm Công ty đã ghi nhận một phần lỗ chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”. Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần lãi trong công ty liên kết và lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ cùng giảm một khoản là 7.884.540.287 VND, số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ cùng giảm 93.277.065.686 VND (1/1/2016: 101.161.605.973 VND).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Nhóm Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản cố định xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định có thể được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	10 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Nhóm Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ ban hành về quy chế quản lý tài chính của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Nhóm Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Nhóm Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Nhóm Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- các khoản được Nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Nhóm Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	8.491.129	11.313.454
Tiền gửi ngân hàng	45.540.643.893	31.843.841.257
Các khoản tương đương tiền	740.000.000.000	682.013.578.519
	<hr/>	<hr/>
	785.549.135.022	713.868.733.230
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.110.000.000.000	2.380.000.000.000
▪ Các khoản đầu tư khác (*)		14.351.965.073
	2.110.000.000.000	2.394.351.965.073
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Trái phiếu (*)	-	114.075.981.250

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư khác với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu với thời gian đáo hạn còn lại trên mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo và đã được thanh lý trong năm 2016.

- (*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn đơn vị khác

	31/12/2016				Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
	Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết			
Đầu tư góp vốn vào:							
▪ Công ty liên kết							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	129.850.000	25,97%	25,97%	1.222.932.605.559	-	(*)
▪ Đơn vị khác							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh Đà Nẵng	73.587.291 7.080.000	16,35% 19,30%	16,35% 19,30%	817.295.117.400 70.800.000.000	(321.039.699.838) -	(*) (*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Buôn Mê Thuột	10.352.000	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Hà Nội	5.025.000	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Vũng Tàu	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000 2.293.080.591	(37.453.000.000) (1.293.080.591)	9.045.000.000 (*)
• Công ty khác							
					1.087.136.197.991	(359.785.780.429)	(*)
					2.310.068.803.550	(359.785.780.429)	(*)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2016

	Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:							
▪ Công ty liên kết							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	129.850.000	25,97%	25,97%	1.257.861.487.283	-	(*)
▪ Đơn vị khác							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh Đà Nẵng	73.587.291 7.080.000	16,35% 19,30%	16,35% 19,30%	817.295.117.400 70.800.000.000	(406.527.921.755) -	(*) (*)
• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Buôn Mê Thuột	10.352.000	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Hà Nội	5.025.000	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Vũng Tàu	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000 2.293.080.591	(39.128.000.000) (1.293.080.591)	7.370.000.000 (*)
• Công ty khác							
					1.087.136.197.991	(446.949.002.346)	(*)
					2.344.997.685.274	(446.949.002.346)	(*)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	1.257.861.487.283	1.311.576.705.526
Lãi từ đầu tư vào công ty liên kết	64.435.167.255	114.675.674.354
Cổ tức nhận được	(116.865.000.000)	(77.910.000.000)
Công ty liên kết phân bổ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản các năm trước vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	9.616.410.734	-
Công ty liên kết phân bổ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2015	7.884.540.287	-
Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán – chênh lệch tỷ giá	-	(81.539.421.597)
Giảm khác	-	(8.941.471.000)
Số dư cuối năm	1.222.932.605.559	1.257.861.487.283

Biến động dự phòng các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	446.949.002.346	121.984.852.637
Dự phòng lập trong năm	9.559.149.665	324.964.149.709
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(96.722.371.582)	-
Số dư cuối năm	359.785.780.429	446.949.002.346

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Mua bán điện	1.474.727.642.218	1.293.207.995.747
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (*)	3.021.304.520	3.021.304.520
Dự thu lãi tiền gửi và đầu tư (**)	134.736.992.851	92.225.678.082
Các khách hàng khác	68.499.097.592	78.337.211.858
	1.680.985.037.181	1.466.792.190.207

(*) Khoản phải thu liên quan đến khoản vốn ủy thác đầu tư và lãi từ khoản vốn ủy thác đầu tư của Nhóm Công ty tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt theo hợp đồng Ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFM-C-UTĐT/PLPC ngày 18 tháng 9 năm 2007 và các biên bản và phụ lục hợp đồng từ năm 2007 đến năm 2014.

(**) Khoản phải thu liên quan đến dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CDKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các đơn vị thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015, theo đó khoản dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận vào phải thu của khách hàng.

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	73.651.294.048	43.599.380.217
Bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện	1.474.727.642.218	1.293.207.995.747
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	2.264.975.922	12.532.916.110
Tổng Công ty phát điện 1 – Công ty TNHH Một Thành Viên	4.969.466.324	15.666.213.084

Các khoản phải thu thương mại từ công ty liên kết và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	1/1/2016	Biến động trong năm Chuyển thành khoản cho vay dài hạn VND	Thu hồi VND	Giá trị ghi số VND
Các khoản cho vay ngắn hạn	735.000.000.000	427.970.467.665	(216.200.000.000)	-
Các khoản cho vay dài hạn đến hạn phải thu	-	1.053.800.000.000	-	1.053.800.000.000
	735.000.000.000	1.481.770.467.665	(216.200.000.000)	1.053.800.000.000

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản phải thu về cho vay từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên (“Genco 2”), công ty mẹ, theo hợp đồng huy động vốn số 01-2015/HĐHDV/PHALAI-EVGENCO 2 ngày 19 tháng 5 năm 2015. Các khoản phải thu về cho vay này được bảo lãnh bằng cổ phần của Công ty sở hữu bởi Genco 2 có mệnh giá 860 tỷ VND (1/1/2016: 339 tỷ VND). Trong năm, khoản cho vay 947 tỷ VND đã được gia hạn thêm một năm kể từ ngày cho vay và theo đó được phân loại lại từ phải thu về cho vay ngắn hạn thành phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 8(b)).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Cho vay dài hạn	2.761.770.467.665	2.350.000.000.000
Khoản đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng	(1.053.800.000.000)	-

Khoản đến hạn thu hồi sau 12 tháng

1.707.970.467.665 2.350.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản cho vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các khoản cho vay phải thu từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên, công ty mẹ (Thuyết minh 8(a))	VND	6,50% - 6,87%	2017 - 2018	946.770.467.665	-
Khoản cho vay phải thu từ Tập đoàn điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (*)	VND	9,00%	2025	315.000.000.000	350.000.000.000
Khoản ủy thác quản lý vốn từ Tập đoàn điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (*)	VND	7,76%	2019	1.500.000.000.000	2.000.000.000.000
				2.761.770.467.665	2.350.000.000.000

(*) Các khoản cho vay phải thu dài hạn này không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2016			1/1/2016				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	trên 1 năm	17.373.269.593	(10.197.287.056)	7.175.982.537	trên 180 ngày	17.373.269.593	(7.326.894.041)	10.046.375.552
Khác	trên 1 năm	1.148.719.208	(803.510.064)	345.209.144	trên 180 ngày	1.148.719.208	(655.789.314)	492.929.894
		<u>18.521.988.801</u>	<u>(11.000.797.120)</u>	<u>7.521.191.681</u>		<u>18.521.988.801</u>	<u>(7.982.683.355)</u>	<u>10.539.305.446</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(11.000.797.120)				(7.982.683.355)	

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	722.889.123.316	(173.554.934.148)	832.548.304.142	(181.186.244.517)
Công cụ và dụng cụ	7.289.235.579	-	7.575.698.287	-
Dịch vụ dở dang	54.017.841	-	26.759.541	-
Thành phẩm	-	-	1.157.978.342	-
	730.232.376.736	(173.554.934.148)	841.308.740.312	(181.186.244.517)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.716.694.372.098	11.610.668.790.024	87.728.753.681	42.168.195.991	2.751.035.240	13.460.011.147.034
Tăng trong năm	-	601.200.000	4.671.431.274	614.340.910	-	5.886.972.184
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.351.053.065	77.478.710	-	221.636.370	-	2.650.168.145
Thanh lý	-	-	(2.861.727.436)	(73.872.857)	-	(2.935.600.293)
Số dư cuối năm	1.719.045.425.163	11.611.347.468.734	89.538.457.519	42.930.300.414	2.751.035.240	13.465.612.687.070
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.385.640.986.978	11.539.510.425.140	71.740.388.306	40.053.236.930	2.520.489.150	13.039.465.526.504
Khấu hao trong năm	32.401.665.703	30.175.676.554	4.018.363.734	1.131.789.285	137.429.021	67.864.924.297
Thanh lý	-	-	(2.861.727.436)	(73.872.857)	-	(2.935.600.293)
Số dư cuối năm	1.418.042.652.681	11.569.686.101.694	72.897.024.604	41.111.153.358	2.657.918.171	13.104.394.850.508
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	331.053.385.120	71.158.364.884	15.988.365.375	2.114.959.061	230.546.090	420.545.620.530
Số dư cuối năm	301.002.772.482	41.661.367.040	16.641.432.915	1.819.147.056	93.117.069	361.217.836.562

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 12.456 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 8.998 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	57.414.901.632	1.364.397.524	58.779.299.156
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	53.488.693.851	564.232.404	54.052.926.255
Khấu hao trong năm	3.926.207.781	330.722.664	4.256.930.445
Số dư cuối năm	57.414.901.632	894.955.068	58.309.856.700
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.926.207.781	800.165.120	4.726.372.901
Số dư cuối năm	-	469.442.456	469.442.456

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 0,3 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 0,3 tỷ VND).

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	305.314.133.232	241.597.640.218
Tăng trong năm	77.636.084.327	78.443.404.888
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.650.168.145)	(13.734.743.874)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(992.168.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(55.254.716)	-
Giảm khác	(208.959.345)	-
	380.035.835.353	305.314.133.232

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	374.294.010.447	304.939.840.134
Xây dựng cơ bản khác	5.741.824.906	374.293.098
	380.035.835.353	305.314.133.232

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam	-	86.461.040.881
Viện nghiên cứu cơ khí	55.036.990.237	887.568.880
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Kỹ thuật DTL	45.974.033.785	3.661.791.770
Tổng công ty Đông Bắc – Bộ Quốc Phòng	20.928.960.240	90.059.094.931
Công ty kinh doanh than Bắc Lạng	13.084.943.681	84.160.576.569
Các nhà cung cấp khác	111.859.340.947	164.320.980.347
	<hr/>	<hr/>
	246.884.268.890	429.551.053.378
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	18.031.672.191	598.368.860.245	(89.649.759.257)	(504.707.124.572)	22.043.648.607
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.862.041.486	61.631.258.514	(12.059.951.724)	-	59.433.348.276
Thuế tài nguyên	2.540.178.090	35.508.252.375	(35.130.656.745)	-	2.917.773.720
Thuế nhà đất	-	17.086.015.449	(17.259.509.558)	173.494.109	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	5.201.336.305	(4.249.530.235)	(951.806.070)	-
Các loại thuế khác	240.235.200	996.802.458	(992.585.658)	-	244.452.000
	30.674.126.967	718.792.525.346	(159.341.993.177)	(505.485.436.533)	84.639.222.603

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số đã cân trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế nhà đất	-	173.494.109	173.494.109
Thuế thu nhập cá nhân	3.901.294.948	(951.806.070)	2.949.488.878
	3.901.294.948	(778.311.961)	3.122.982.987

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn	385.072.723.139	304.939.840.134
Chi phí lãi vay	32.392.091.400	33.681.734.223
Các khoản khác	4.289.976.477	4.736.217.838
	<hr/>	<hr/>
	421.754.791.016	343.357.792.195
	<hr/>	<hr/>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	256.663.676.201	1.638.065.626
Bảo hiểm xã hội	8.477.644.345	829.494.363
Kinh phí công đoàn	1.388.373.754	608.824.439
Bảo hiểm thất nghiệp	566.997.862	59.713.571
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	66.011.224	31.485.558
Bảo hiểm y tế	1.288.000.000	-
Chi phí khác	5.186.317.461	5.350.629.919
	<hr/>	<hr/>
	273.637.020.847	8.518.213.476
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-		19.850.000.000	(2.250.000.000)	-	17.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18(b))	348.807.603.594		381.476.986.443	(377.039.369.869)	11.084.751.375	364.329.971.543
	348.807.603.594		401.326.986.443	(379.289.369.869)	11.084.751.375	381.929.971.543

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay không có đảm bảo từ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – chi nhánh Hải Dương	VND	6,5%	17.600.000.000	-

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vay dài hạn	4.189.794.646.284	4.360.095.047.647
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18(a))	(364.329.971.543)	(348.807.603.594)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.825.464.674.741	4.011.287.444.053
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016	1/1/2016
				VND	VND
Khoản vay từ công ty mẹ cấp cao nhất	JPY	2% - 2,5%	2028	4.189.794.646.284	4.360.095.047.647
				<hr/>	<hr/>

Khoản vay dài hạn từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất, được thực hiện theo hợp đồng vay lại số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (“JBIC”) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Lãi suất cho vay từ 2% năm đến 2,5% năm và phí vay lại được tính bằng 0,2% năm trên số dư nợ thực tế. Gốc vay được thanh toán trong vòng 22 năm 6 tháng bắt đầu từ năm 2006. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JIBC và không có tài sản đảm bảo.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	53.264.118.666	22.098.366.920
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	63.354.745.000	66.770.668.000
Sử dụng trong năm	(43.807.916.113)	(35.604.916.254)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	72.810.947.553	53.264.118.666
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng VND
	VND	VND	VND	VND		VND	VND		VND	VND	VND	VND	
	Đã điều chỉnh lại												
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã báo cáo trước đây</i>	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	-	481.135.503.956	1.899.344.385.864	41.606.735.914	5.715.962.419.250	-	-	-	-	-
<i>Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán (Thuyết minh 38)</i>	-	-	(121.455.497.645)	-	-	121.455.497.645	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 - Đã điều chỉnh lại	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	(121.455.497.645)	481.135.503.956	2.020.799.883.509	41.606.735.914	5.715.962.419.250	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	560.650.778.885	5.120.343.015	565.771.121.900	-	-	-	-	-
Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán – chênh lệch tỷ giá tại công ty liên kết	-	-	-	(81.539.421.597)	-	-	-	(81.539.421.597)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	12.013.195.027	(12.013.195.027)	-	-	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(62.965.834.000)	(3.804.834.000)	(66.770.668.000)	-	-	-	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(381.785.536.800)	(3.750.000.000)	(385.535.536.800)	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(8.941.471.000)	(8.941.471.000)	(8.941.471.000)	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 - Đã điều chỉnh lại	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	(202.994.919.242)	493.148.698.983	2.115.744.625.567	39.172.244.929	5.738.946.443.753	-	-	-	-	-

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
				Đã điều chỉnh lại		Đã điều chỉnh lại		
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 - Đã điều chỉnh lại	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	(202.994.919.242)	493.148.698.983	2.115.744.625.567	39.172.244.929	5.738.946.443.753
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	(3.016.021.826)	548.569.752.403	5.781.265.180	554.351.017.583
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	3.016.021.826	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá tại công ty liên kết	-	-	-	17.500.951.021	-	-	-	17.500.951.021
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	57.737.665.377	(57.737.665.377)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(60.435.872.500)	(2.918.872.500)	(63.354.745.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(1.049.910.226.200)	(3.750.000.000)	(1.053.660.226.200)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.262.350.000.000	160.144.544.191	(125.602.728.849)	(185.493.968.221)	547.870.342.534	1.496.230.613.893	38.284.637.609	5.193.783.441.157

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	3.262.350.000.000	326.235.000	3.262.350.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	8.080.386	125.602.728.849	8.080.386	125.602.728.849
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	318.154.614	3.136.747.271.151	318.154.614	3.136.747.271.151

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 795 tỷ VND tương đương 2.500 VND trên một cổ phiếu (2015: 382 tỷ VND tương đương 1.200 VND trên một cổ phiếu). Và tại cuộc họp ngày 16 tháng 12 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức 255 tỷ tương đương 800 VND trên một cổ phiếu. (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

	2016 VND Đã điều chỉnh lại
Lỗ chênh lệch tỷ giá đầu năm	202.994.919.242
<i>Trong đó:</i>	
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2</i>	101.833.313.269
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm</i>	101.161.605.973
Lỗ chênh lệch tỷ giá phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (*)	(17.500.951.021)
<i>Trong đó:</i>	
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2</i>	(9.616.410.734)
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm</i>	(7.884.540.287)
Lỗ chênh lệch tỷ giá tại cuối năm	185.493.968.221
<i>Trong đó:</i>	
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2</i>	92.216.902.535
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm</i>	93.277.065.686

(*) Nhóm Công ty đang phân bổ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào chi phí tài chính trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo nguyên tắc cân đối chi phí với kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Nhóm Công ty do vậy giá trị khoản phân bổ vào chi phí phụ thuộc vào đánh giá của Ban Giám đốc Công ty.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	13.914.778.000	13.914.778.000
Trong vòng hai đến năm năm	55.659.112.000	55.659.112.000
Sau năm năm	482.378.970.667	496.293.748.667
	<hr/>	<hr/>
	551.952.860.667	565.867.638.667
	<hr/>	<hr/>

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2016	2015
	VND	VND
Doanh thu bán điện	5.844.305.898.985	7.528.551.923.425
Doanh thu bán xỉ và phế liệu	21.534.853.587	27.869.318.035
Doanh thu cung cấp dịch vụ	111.531.869.496	108.526.668.771
	<hr/>	<hr/>
	5.977.372.622.068	7.664.947.910.231
	<hr/>	<hr/>

27. Giá vốn hàng bán

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	4.560.843.353.923	5.567.582.778.771
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	320.802.341.872	169.518.899.614
Chi phí nhân công	207.625.041.729	230.534.779.736
Chi phí bảo trì	155.037.886.361	156.695.034.515
Chi phí khấu hao	56.617.942.424	439.280.044.577
Chi phí điện mua ngoài	35.794.551.009	16.516.661.064
Chi phí khác	136.844.815.536	121.202.815.485
	<hr/>	<hr/>
	5.473.565.932.854	6.701.331.013.762
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi, cho vay và hoạt động đầu tư tài chính khác	397.293.868.407	334.884.274.407
Cổ tức được chia	9.360.806.000	8.508.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.437.614.035	-
	411.092.288.442	343.393.024.407

29. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	125.453.049.787	120.228.756.089
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.641.855.685	80.285.535.932
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	206.534.726.856	203.313.279.013
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4.075.981.250	-
	(87.163.221.917)	324.964.149.709
Chi phí tài chính khác	129.277.398	4.230.738.181
	253.671.669.059	733.022.458.924

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân công	58.260.768.019	51.926.999.169
Chi phí vật liệu quản lý	6.252.430.623	6.437.644.536
Chi phí khấu hao	6.567.006.491	9.855.004.712
Dự phòng phải thu khó đòi	3.018.113.765	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.069.424.988	6.865.409.360
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.899.770.541	4.442.724.622
Chi phí khác	22.067.173.723	24.123.146.843
	108.134.688.150	103.650.929.242

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	4.646.462.725.124	5.567.582.778.771
Chi phí nhân công	265.885.809.748	282.461.778.905
Chi phí khấu hao	72.121.854.742	458.197.337.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.890.561.217	96.304.497.897
Chi phí sửa chữa lớn	320.802.341.872	169.518.899.614
Chi phí khác	160.537.328.301	230.916.649.883

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	61.149.870.988	38.366.363.835
Dự phòng thiếu trong những năm trước	481.387.526	353.968.490
Chi phí thuế thu nhập	61.631.258.514	38.720.332.325

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	615.982.276.097	604.491.454.225
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	92.397.341.415	90.673.718.134
Ưu đãi thuế	(28.650.253.765)	(35.327.477.626)
Thu nhập không bị tính thuế	(1.404.120.900)	(1.276.312.500)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác và thu nhập của công ty con	(1.540.370.783)	(16.138.067.144)
Chi phí không được khấu trừ thuế	347.275.021	434.502.971
Dự phòng thiếu trong những năm trước	481.387.526	353.968.490
Chi phí thuế thu nhập	61.631.258.514	38.720.332.325

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm đầu tiên chính thức chuyển sang công ty cổ phần (từ năm 2006 đến năm 2017). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 5 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 6 năm tiếp theo (từ năm 2011 đến năm 2016). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% (2015: 22%).

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc, công ty con của Công ty, có nghĩa vụ nộp cho Nhà Nước thuế thu nhập bằng mức thuế suất 20% (2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	548.569.752.403	560.650.778.885
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	548.569.752.403	560.650.778.885

(*) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ trình bày là 318.154.614 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

34. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Nhóm Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Nhóm Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Nhóm Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Nhóm Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Nhóm Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Nhóm Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Nhóm Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn và phải thu ngắn hạn khác.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	45.540.643.893	31.843.841.257
Các khoản tương đương tiền	(i)	740.000.000.000	682.013.578.519
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần	(ii)	1.669.984.240.061	1.458.809.506.852
Phải thu về cho vay ngắn hạn	(ii)	-	735.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	(ii)	2.761.770.467.665	2.350.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	(ii)	1.449.051.149	415.127.287
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	(iii)	2.110.000.000.000	2.394.351.965.073
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	(iii)	-	114.075.981.250
		7.328.744.402.768	7.766.510.000.238

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Nhóm Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm Công ty.

(ii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn và phải thu ngắn hạn khác

Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn, phải thu ngắn hạn khác của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay và thu nhập tiền lãi phải thu liên quan, cổ tức phải thu và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Nhóm Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng mà Nhóm Công ty phải chịu liên quan đến các khoản cho vay và thu nhập tiền lãi phải thu từ các bên liên quan và cổ tức phải thu được xem là tương đối nhỏ do lịch sử thu hồi các khoản phải thu của Nhóm Công ty nằm trong giới hạn thời gian có thể chấp nhận được. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Rủi ro tín dụng của Nhóm Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Nhóm Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Nhóm Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện mức tổn thất ước tính phát sinh liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Nhóm Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích lập, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn và dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016.

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.982.683.355	3.593.310.271
Tăng dự phòng trong năm	3.018.113.765	4.496.937.283
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(107.564.199)
Số dư cuối năm	11.000.797.120	7.982.683.355

(iii) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và dài hạn

Nhóm Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu phát hành bởi tổ chức tín dụng có uy tín. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi và trái phiếu này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm Công ty.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng và bên liên quan.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	246.884.268.890	246.884.268.890	246.884.268.890	-	-	-
Phải trả người lao động	85.562.818.488	85.562.818.488	85.562.818.488	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	421.754.791.016	421.754.791.016	421.754.791.016	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	273.637.020.847	273.637.020.847	273.637.020.847	-	-	-
Vay ngắn hạn	17.600.000.000	18.093.783.333	18.093.783.333	-	-	-
Vay dài hạn	4.189.794.646.284	4.846.039.449.283	496.390.474.827	461.592.408.641	1.325.168.288.831	2.562.888.276.984
	5.235.233.545.525	5.891.972.131.857	1.542.323.157.401	461.592.408.641	1.325.168.288.831	2.562.888.276.984
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	429.551.053.378	429.551.053.378	429.551.053.378	-	-	-
Phải trả người lao động	104.329.109.419	104.329.109.419	104.329.109.419	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	343.357.792.195	343.357.792.195	343.357.792.195	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	8.518.213.476	8.518.213.476	8.518.213.476	-	-	-
Vay dài hạn	4.360.095.047.647	5.102.989.842.373	487.183.940.323	451.474.761.884	1.297.355.001.575	2.866.976.138.591
	5.245.851.216.115	5.988.746.010.841	1.372.940.108.791	451.474.761.884	1.297.355.001.575	2.866.976.138.591

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Nhóm Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch gửi tiền, mua dịch vụ và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty, là Việt Nam đồng (“VND”). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là đồng Yên Nhật (“JPY”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Nhóm Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	JPY	JPY
Vay dài hạn	21.352.536.152	23.209.278.426

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
1 JPY	196	188

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Nhóm Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần sau thuế TNDN VND
31/12/2016 JPY (mạnh thêm 4%)	(133.923.106.745)
1/1/2016 JPY (mạnh thêm 3%)	(102.102.257.652)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Nhóm Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Các khoản tương đương tiền	740.000.000.000	682.013.578.519
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	2.110.000.000.000	2.394.351.965.073
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	114.075.981.250
▪ Vay dài hạn	(4.189.794.646.284)	(4.360.095.047.647)
	(1.339.794.646.284)	(1.169.653.522.805)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Tiền gửi ngân hàng	45.540.643.893	31.843.841.257
▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	735.000.000.000
▪ Phải thu về cho vay dài hạn	2.761.770.467.665	2.350.000.000.000
▪ Vay ngắn hạn	(17.600.000.000)	-
	2.789.711.111.558	3.116.843.841.257

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phân tích độ nhạy của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 22 tỷ VND lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Nhóm Công ty (2015: 24 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

(i) Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền (*)	785.549.135.022	713.868.733.230
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (*)	2.110.000.000.000	2.394.351.965.073
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (*)	-	114.075.981.250
▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần (*)	1.669.984.240.061	1.458.809.506.852
▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	-	735.000.000.000
▪ Phải thu về cho vay dài hạn (*)	2.761.770.467.665	2.350.000.000.000
▪ Phải thu ngắn hạn khác (*)	1.449.051.149	415.127.287
▪ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)	1.087.136.197.991	1.087.136.197.991
	8.415.889.091.888	7.766.521.313.692
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Phải trả người bán ngắn hạn (*)	(246.884.268.890)	(429.551.053.378)
▪ Phải trả người lao động (*)	(85.562.818.488)	(104.329.109.419)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn (*)	(421.754.791.016)	(343.357.792.195)
▪ Phải trả ngắn hạn khác (*)	(273.637.020.847)	(8.518.213.476)
▪ Vay ngắn hạn (*)	(17.600.000.000)	-
▪ Vay dài hạn (*)	(4.189.794.646.284)	(4.360.095.047.647)
	(5.235.233.545.525)	(5.245.851.216.115)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

- (*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Trả gốc vay	376.835.128.219	329.571.753.635
Chi phí lãi vay	125.359.277.566	120.228.756.089
Thu nhập lãi cho vay	142.187.222.222	191.851.388.889
Thu hồi khoản cho vay	535.000.000.000	-
Mua điện	32.581.311.956	-
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên		
Cho vay	427.970.467.665	735.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	68.074.733.450	17.988.749.999
Chia cổ tức	549.093.256.800	199.670.275.200
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện		
Doanh thu bán điện	5.843.015.018.884	7.527.230.631.930
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn		
Cổ tức được chia	-	2.512.500.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng		
Cổ tức được chia	116.865.000.000	77.910.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Cổ tức được chia	670.000.000	670.000.000

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam		
Cổ tức được chia	-	5.176.250.000
Nhân sự quản lý chủ chốt – Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Lương, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	2.343.831.000	2.109.480.000

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Cán trừ phần nợ gốc vay với khoản phải thu tiền điện từ Công ty Mua bán điện	376.835.128.219	-
Chuyển khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sang khoản phải thu của khách hàng	14.351.965.073	-
Chuyển khoản cho vay ngắn hạn thành khoản cho vay dài hạn	946.770.467.665	-

37. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 107/NQ-PPC ngày 5 tháng 5 năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại đã phê duyệt việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc vào ngày 27 tháng 2 năm 2017.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(b)(i), kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 Nhóm Công ty thay đổi chính sách kế toán và áp dụng Nghị định 82 và Công văn 3003. Việc thay đổi chính sách kế toán được điều chỉnh lại số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Mã số	1/1/2016 (điều chỉnh lại) VND	1/1/2016 (theo báo cáo trước đây) VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	(202.994.919.242)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.115.744.625.567	1.912.749.706.325

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc